TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST
Ngày: 22-11-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Bé

Ông Thái Bá Việt

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Tón - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2019/TLST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1947.

Địa chỉ: SE 60th Ave Portland, OR.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Nguyễn Thị T là bà Võ Thị Th, sinh năm: 1960; Địa chỉ: phường Hòa T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/5/2018) (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho bà Nguyễn Thị T là Luật sư Hồ Thị Xuân H, Văn phòng Luật sư X thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Hồng Tr, sinh năm: 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố S (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Phòng công chứng S, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 5, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Lê Thị L, sinh năm: 1969 (Có đơn xin vắng mặt).

3.4. Nguyễn Quang T, sinh năm: 1967 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Th trình bày*: Bà T là người được hưởng di sản thừa kế theo di chúc của mẹ bà là bà Lê Thị T1 (di chúc lập ngày 26/12/1997 được Phòng công chứng S tỉnh Đồng Tháp công chứng số 29/CCNN ngày 26/12/1997). Vì thời điểm này bà đang định cư ở Mỹ, nên bà có lập hợp đồng ủy quyền cho cháu bà là chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên quyền sử dụng đất dùm cho bà (hợp đồng ủy quyền được Phòng công chứng S tỉnh Đồng Tháp công chứng số 354, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009).

Ngày 23/3/2010, chị Tr được Ủy ban thị xã S (nay là thành phố S) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 70m^2, thuộc thửa 162, tờ bản đồ số 19, đất ở đô thị, đất tọa lạc tại khóm H, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Riêng căn nhà gắn liền trên đất, bà T giao cho chị Lê Thị L quản lý, trong coi. Hiện nay do lớn tuổi bà T có dự kiến về Việt Nam sinh sống với con gái của bà là chị L, nên bà T yêu cầu chị Tr chuyển quyền sử dụng đất sang cho bà T đứng tên.

Ngày 02/7/2018 bà T có thông báo về việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền đứng tên quyền sử dụng đất cho chị Tr nhận, nhưng chị Tr cũng không đồng ý. Bà T không đồng ý với ý kiến của chị Tr về việc yêu cầu bà T về Việt Nam sinh sống mới đồng ý chuyển tên cho bà T, vì bà T có di chúc hợp pháp của bà T1 để lại. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

+ Hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà với chị Nguyễn Thị Hồng Tr ngày 15/12/2009.

+Yêu cầu Tòa án đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố S thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 diện tích 70m^2 đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên để bà thực hiện quyền thừa kế theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của bà T thống nhất kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 05/9/2019.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Tr trình bày*: Căn cứ vào tờ di chúc của bà Lê Thị T1 lập vào ngày 26/12/1997 có để lại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19, diện tích 70m^2 đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cho bà Nguyễn Thị T là con ruột của bà T1. Trong thời điểm bà đang định cư tại Mỹ nên bà T không thể đứng tên sở hữu đất theo tờ di chúc năm 1997 được. Năm

2009 bà T về Việt Nam, lúc đó bà T cùng gia đình đã thống nhất giao phần đất trên cho chị đứng tên quyền sử dụng đất. Chị yêu cầu bà T thực hiện theo mục 4 trong hợp đồng ủy quyền như sau: "*Trong trường hợp bên A về định cư ở Việt Nam hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam cho phép bên A đứng tên quyền sử dụng đất thì bên B có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng đất này cho bên A đứng tên"*. Chị không đồng ý việc bà T yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà T và chị. Chị chỉ đồng ý theo yêu cầu của bà T với điều kiện như sau: Chị đồng ý giao đất lại cho bà T đứng tên quyền sử dụng đất khi nào bà T về Việt Nam định cư sinh sống và khi bà T đứng tên thì không được sang nhượng cho ai khác. Chị thống nhất kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 05/9/2019.

- *Chị Lê Thị L có văn bản ý kiến trình bày*: Thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 diện tích 70m^2 đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên có nguồn gốc là của bà Lê Thị T1 là bà ngoại của chị để lại cho bà Nguyễn Thị T là mẹ chị theo tờ di chúc ngày 26/12/1997. Do mẹ chị đang định cư ở nước ngoài nên có ủy quyền lại cho chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên dùm thửa đất nói trên theo hợp đồng ủy quyền ngày 15/12/2009. Trên thửa đất có căn nhà cấp 4 nguồn gốc là thuộc sở hữu của bà ngoại chị là bà Lê Thị T1 đã cho mẹ chị và chị đã quản lý sử dụng từ năm 1997 đến nay. Bà T là mẹ chị cũng đồng ý cho chị quản lý, sử dụng ngôi nhà này, chị không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ kiện này.

- *Anh Nguyễn Quang T có văn bản ý kiến trình bày*: Anh là chồng của chị Lê Thị L, hiện nay đang sống chung nhà với chị L trên thửa đất tranh chấp, thống nhất với lời trình bày và ý kiến của chị L, anh không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này.

- *Ủy ban nhân dân thành phố S có ý kiến như sau*: Bà Nguyễn Thị T có nhận thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 70m^2 thuộc thửa số 162, tờ bản đồ 19, mục đích sử dụng: ODT tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S theo tờ di chúc do bà Lê Thị T1 lập ngày 26/12/1997, được Phòng công chứng S tỉnh Đồng Tháp chứng nhận số 29/CCNN, ngày 26/12/1997 và văn bản thỏa thuận phân chia di sản được phòng Công chứng S tỉnh Đồng Tháp công chứng số 70 quyển số 1 TP/GC- SCC/HĐGD, ngày 04/3/2008. Tuy nhiên do bà Nguyễn Thị T định cư tại Mỹ, nên không đủ điều kiện để đứng tên quyền sử dụng đất theo Luật đất đai năm 2003, nên bà T ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên quyền sử dụng đất theo Hợp đồng ủy quyền được Phòng Công chứng S tỉnh Đồng Tháp công chứng số 354, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 15/12/2009 và chị Tr đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00060, ngày 23/3/2010.

- *Phòng công chứng S tỉnh Đồng Tháp có ý kiến*: Ngày 15/12/2009 Phòng công chứng S tỉnh Đồng Tháp có công chứng hợp đồng ủy quyền số 354, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Nguyễn Thị T với chị Nguyễn Thị Hồng Tr đúng theo trình tự qui định của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà với chị Nguyễn Thị Hồng Tr theo công chứng số 354, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009. Yêu cầu Tòa án đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố S thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 diện tích 70m^2 đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên để bà thực hiện quyền thừa kế theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị T với chị Nguyễn Thị Hồng Tr theo công chứng số 354, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009. Yêu cầu Tòa án đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố S thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 diện tích 70m^2 đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên để bà T thực hiện quyền thừa kế theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị T với chị Nguyễn Thị Hồng Tr theo công chứng số 354, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009. Yêu cầu Tòa án đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố S thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 diện tích 70m^2 đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về quyền sử dụng đất" theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguồn gốc đất là của bà Lê Thị T1 là mẹ ruột của bà T và là bà nội của chị Tr. Vào ngày 26/12/1997 bà T1 có lập di chúc để lại phần diện tích 70m^2 và căn nhà cấp 4 có trên đất thuộc thửa số 162, tờ bản đồ số 19 loại đất ở đô

thị, đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố Sa Đ. Di chúc được Phòng công chứng S, tỉnh Đồng Tháp chứng thực số 29/CCNN ngày 26/12/1997, nhưng do bà T đang định cư ở nước ngoài không thể đứng tên chủ sở hữu, nên bà T có lập hợp đồng ủy quyền cho cháu bà là chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên quyền sử dụng đất dùm cho bà (hợp đồng ủy quyền được Phòng công chứng S tỉnh Đồng Tháp công chứng số 354, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009. Ngày 23/3/2010, chị Tr được Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S), cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 70m^2, thuộc thửa 162, tờ bản đồ số 19, đất ở đô thị, đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Riêng căn nhà gắn liền trên đất, bà T giao cho chị Lê Thị L, anh Nguyễn Quang T là con quản lý, trong coi.

Do lớn tuổi bà T có dự kiến về Việt Nam sinh sống với con gái của bà là chị L, nên bà T yêu cầu chị Tr chuyển quyền sử đụng đất sang cho bà T đứng tên. Bà T không đồng ý với ý kiến của chị Tr về việc yêu cầu bà T về Việt Nam sinh sống mới trả đất, vì bà T có di chúc hợp pháp của bà T1 để lại và bà T cũng có thông báo về việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền đứng tên quyền sử dụng đất cho chị Tr vào ngày 02/7/2018 để chị Tr biết. Nay bà T yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị T với chị Nguyễn Thị Hồng Tr theo công chứng số 354, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009. Yêu cầu Tòa án đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố S thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 diện tích 70m^2 đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên để giao lại cho bà thực hiện quyền thừa kế theo quy định pháp luật.

Chị Tr không đồng ý theo yêu cầu của bà T chị chỉ đồng ý theo yêu cầu của bà T với điều kiện như sau: Chị đồng ý giao đất lại cho bà T đứng tên quyền sử dụng đất khi nào bà T về Việt Nam định cư sinh sống và khi bà T đứng tên thì không được sang nhượng cho ai khác.

[4] Xét yêu cầu của bà T là hoàn toàn có căn cứ. Bởi vì, căn cứ vào tờ di chúc của bà T1 được lập vào ngày 26/12/1997 có công chứng chứng thực, bà T1 để lại phần diện tích đất 70m^2 và căn nhà cấp 4 có trên đất thuộc thửa số 162, tờ bản đồ số 19 loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, nhưng do điều kiện bà đang sinh sống ở nước ngoài không thể đứng tên chủ sở hữu nên bà T và chị Tr mới thỏa thuận làm hợp đồng ủy quyền vào ngày 15/12/2009 có chứng thực của Phòng công chứng S, tỉnh Đồng Tháp, hiện chị Tr cũng đang đứng tên quyền sử dụng đất thửa số 162, tờ bản đồ số 19 loại đất ở đô thị. Nhưng theo nội dung của hợp đồng ủy quyền khi nào bà T có yêu cầu trả lại thì chị Tr phải làm thủ tục chuyển quyền lại cho bà T nên bà có thông báo về việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền đứng tên quyền sử dụng đất cho chị Tr biết vào ngày 02/7/2018, nay bà T có nhu cầu về Việt Nam sinh sống đến cuối đời, bà có yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng ủy quyền, yêu cầu Tòa án đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố S thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 diện tích 70m^2 đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

do chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên để giao lại cho bà thực hiện quyền thừa kế theo quy định pháp luật là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà với chị Nguyễn Thị Hồng Tr theo công chứng chứng thực số 354, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009. Yêu cầu Tòa án đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố S thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 diện tích 70m^2, diện tích đo đạc thực tế là 73,1m^2, đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên là có căn cứ để chấp nhận.

Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên chị Tr phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá và án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá, xét sự tự nguyện của nguyên đơn là phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà T với chị Nguyễn Thị Hồng Tr theo công chứng số 354, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009. Yêu cầu Tòa án đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố S thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 162, tờ bản đồ số 19 diện tích 70m^2 đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S do chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên để bà thực hiện quyền thừa kế theo quy định pháp luật. Xét đề nghị của Luật sư là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị T với chị Nguyễn Thị Hồng Tr theo công chứng số 354, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009. Yêu cầu Tòa án đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố S thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 diện tích 70m^2 do chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH00060 cấp ngày 23/3/2010, đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 120, Điều 562; Điều 569 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

2. Hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị T với chị Nguyễn Thị Hồng Tr theo công chứng, chứng thực số 354, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009.

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố S thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 diện tích 70m^2 do chị Nguyễn Thị Hồng Tr đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH00060, cấp ngày 23/3/2010, đất tọa lạc tại khóm Hòa K, Phường 2, thành phố Sa, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm giao căn nhà có trên phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 73,1m^2 cho chị Lê Thị L là con bà Nguyễn Thị T quản lý, trong coi.

3. Về chi phí tố tụng và chi phí xem xét thẩm định và định giá:

- Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 6.087.331đ (bà T đã tạm ứng và đã chi xong).

4. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Hồng Tr phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, bà được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000630 ngày 17/5/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Phước Hội

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.